BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Tiếng Anh 2 - K13 (L2)

Môn thi: Ngữ pháp 1 Lần thi: 3 Giám thị 1: M. Bưng Ký tên:

Học kỳ: 1 Năm học: 2011 - 2012 Ngày thi: 07.12 Giám thị 2: Ký tên:

Cán bộ giảng dạy: Phòng thi: A1.4 Giám thị 3: Ký tên:

Tổng số bài: 07 Số tờ: 07 Giám thị 4: Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1110110036	Huỳnh Thị	Nhung	20/05/1993					
2	1110110038	Hà Thị Bích	Phượng	11/05/1993				3,5	Ba rưỡi
3	1110110039	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	12/09/1992					
4	1110110040	Huỳnh Thị Mỹ	Phượng	14/03/1993					
5	1110110044	Huỳnh Thị Tuyết	Sương	16/08/1993					
6	1110110046	Nguyễn Thị Liên	Thảo	01/04/1992	thảo			2,5	Hai rưỡi
7	1110110048	Nguyễn Thanh	Thùy	07/01/1993				3,5	Ba rưỡi
8	1110110049	Nguyễn Thị Phương	Thúy	10/11/1991					
9	1110110050	Nguyễn Thị Oanh	Thủy	14/12/1993				3,5	Ba rưỡi
10	1110110052	Lê Thủy	Tiên	11/01/1993					
11	1110110056	Lê Thị Thùy	Trang	05/10/1993					
12	1110110060	Lăng Thị	Tuyết	19/05/1991				3,5	Ba rưỡi
13	1110110061	Vũ Hà	Ty	10/05/1993					
14	1110110064	Nguyễn Thị Thúy	Vy	18/02/1993				5,0	Năm điểm
15	1110110066	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	11/11/1993				3,5	Ba rưỡi
16	1110110067	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	11/01/1993					
17	1110110069	Nguyễn Kim Hoàng	Yến	20/10/1993					

Ngày 17 *tháng* 7 *năm* 2012